

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST

Ngày: 11 - 11 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Chánh.

2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 06 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngân Thị Kim Đ, sinh năm: 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn:

Anh Nguyễn Châu T, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 06 năm 2020, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 19/08/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngân Thị Kim Đ trình bày: Ngày 02/11/2019 âm lịch nhằm ngày 27/11/2019, chị Đ có cho vợ chồng anh Nguyễn Châu T, chị Nguyễn Thị Diễm M vay số tiền 37.000.000 đồng, lãi suất vay là 2% tháng, vay không thời hạn, nhưng tiền lãi phải trả hàng tháng. Đến ngày 03/03/2020 anh T, chị M vay tiếp số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất vay 2% tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Sau khi vay thì anh T, chị M không thực hiện nghĩa vụ trả

tiền lãi suất. Sau nhiều lần yêu cầu anh T, chị M phải có nghĩa vụ trả số tiền vay, tiền lãi suất thì anh T, chị M có trả được số tiền 37.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27/11/2019. Đến ngày 19/08/2020 chị M có trả tiếp số tiền 5.000.000 đồng, còn lại số tiền 65.000.000 đồng thì anh T, chị M hứa hẹn trả nhưng không thực hiện. Nay chị Đ yêu cầu anh T, chị M phải liên đới trả số tiền vay còn nợ là 65.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19 tháng 08 năm 2020 bị đơn chị Nguyễn Thị Diễm M trình bày: Trước đây, vợ chồng anh T, chị M có nhiều lần tham gia hội và vay tiền của chị Đ. Đến ngày 27/11/2019 có vay số tiền 37.000.000 đồng, ngày 03/03/2020 tham gia một phần hội còn nợ số tiền 70.000.000 đồng. Sau đó có trả được số tiền 37.000.000 đồng theo biên nhận ngày 27/11/2019, còn số tiền 70.000.000 đồng chị M đồng ý trả, nhưng xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Do anh Nguyễn Châu T, chị Nguyễn Thị Diễm M không đến Tòa án, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Chị Ngân Thị Kim Đ khởi kiện anh Nguyễn Châu T, chị Nguyễn Thị Diễm M về việc “Hợp đồng vay tài sản”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định, còn bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Châu T, chị Nguyễn Thị Diễm M được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Chị Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh T, chị M liên đới trả 65.000.000 đồng là có cơ sở, vì căn cứ vào giấy biên nhận ngày 03/03/2020 chị M có ký biên nhận vay tiền của chị Đ và chị M cũng thừa nhận còn nợ chị Đ số tiền 70.000.000 đồng. Do anh T, chị M vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên chị Đ khởi kiện là có căn cứ theo Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

Chị M xin trả dần cho chị Đ mỗi tháng 4.000.000 đồng, nhưng chị Đ không đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của chị Đ có căn cứ chấp nhận toàn bộ số tiền 65.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi có quyết định xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần cho anh Nguyễn Châu T, chị Nguyễn Thị Diễm M, nhưng anh T, chị M vắng mặt không vì trở ngại khách quan hay vì sự kiện bất khả kháng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị M theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Theo đơn khởi kiện, chị Ngân Thị Kim Đ yêu cầu anh Nguyễn Châu T, chị Nguyễn Thị Diễm M phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền theo các giấy biên nhận ngày 02/11/2019 âm lịch nhằm ngày 27/11/2019 số tiền là 37.000.000 đồng và theo giấy biên nhận ngày 03/03/2020 số tiền 70.000.000 đồng. Tổng cộng là 107.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh.

[2] Ngày 19/08/2020 và tại phiên tòa, chị Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện và cho rằng số tiền 37.000.000 đồng vay ngày 27/11/2019 thì chị M, anh T đã trả xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, đối với số tiền vay 70.000.000 đồng ngày 03/03/2020 thì chị M, anh T cũng đã trả được số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ là 65.000.000 đồng.

[3] Anh Nguyễn Châu T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì anh T có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhưng anh T không cung cấp được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[4] Tại phiên tòa, chị Đ yêu cầu anh T, chị M liên đới trả số tiền còn nợ là 65.000.000 đồng. Do anh T, chị M không đến Tòa án, nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 19 tháng 08 năm 2020 thì chị M thừa nhận còn nợ của chị Đ số tiền 70.000.000 đồng, chị M xin trả dần theo hàng tháng hoặc theo mùa vụ nhưng chị Đ không đồng ý. Như vậy, chị Đ yêu cầu anh T, chị M phải liên đới trả số tiền 65.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

[5] Tại phiên tòa, chị Đ không yêu cầu tính lãi suất của số tiền 65.000.000 đồng, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ đối với anh Nguyễn Châu T, chị Nguyễn Thị Diễm M về việc trả số tiền 65.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do toàn bộ yêu cầu của chị Đ được Tòa án chấp nhận nên anh T, chị M phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, mức án phí là 5% đối với số tiền phải trả cho chị Đ.

Chị Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 288, 463, 466, 468, 470 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngân Thị Kim Đ đối với anh Nguyễn Châu T, chị Nguyễn Thị Diễm M về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Anh Nguyễn Châu T, chị Nguyễn Thị Diễm M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Ngân Thị Kim Đ số tiền 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày chị Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Châu T, chị Nguyễn Thị Diễm M phải chịu 3.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Ngân Thị Kim Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Đ 2.880.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005524 ngày 24/06/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/Huyện;
- Chi cục THA DS;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Hựu